TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRÀ CÚ** **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2021/HNGĐ-ST
Ngày 22 - 01 - 2021
"V/v tranh chấp ly hôn và nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRÀ CÚ, TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Thạch Thuône
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà Nguyễn Thị Anh Đào
2. Ông Võ Văn Đầy

- Thư ký phiên tòa: Bà Kim Thị Bô Na, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trà Cú tham gia phiên tòa: Ông Kim Mau – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 01 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 495/2020/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 10 năm 2020 về việc "*Tranh chấp ly hôn, nuôi con"*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 66/2020/QĐXXST- HNGĐ, ngày 25 tháng 12 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 01/2021/QĐST-HNGĐ, ngày 11 tháng 01 năm 2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Phạm Thị P, sinh ngày 27/7/1988.
Địa chỉ ấp R, xã L, huyện C, tỉnh Trà Vinh (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).
- *Bị đơn:* Anh Lưu Phương T, sinh năm 1984.
Địa chỉ ấp C, xã N, huyện T, tỉnh Trà Vinh (vắng mặt không rõ lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 15/9/2020 và quá trình tố tụng nguyên đơn chị Phạm Thị P trình bày: Vào năm 2014 qua thời gian tìm hiểu nên chị và anh Lưu Phương T có xác lập quan hệ vợ chồng với nhau, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã Ngãi Xuyên vào ngày 08/9/2014. Sau ngày cưới, vợ chồng chị sống chung với gia đình anh T tại ấp C, xã N, huyện T tỉnh Trà Vinh. Quá trình sống chung do anh T có tính ham mê cờ bạc, ăn chơi nên vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn, cự cải với nhau. Mặc dù, chị đã cố gắng nhường nhịn,

khuyên can nhưng anh T không thay đổi và cách đây khoảng hơn 01 năm (khoảng đầu năm 2019) trong một lần xảy ra cự cãi chị đã dẫn con quay về sống chung với cha mẹ ruột tại ấp R, xã L, huyện C, tỉnh Trà Vinh và ly thân với anh T từ đó đến nay, thời gian ly thân không có bên nào tạo điều kiện hàn gắn. Nay chị nhận thấy hạnh phúc giữa chị và anh T đã không còn, vợ chồng không hàn gắn được, mục đích hôn nhân không đạt, không thể tiếp tục chung sống với nhau nên yêu cầu được ly hôn với anh Lưu Phương T; về con chung thời gian chung sống giữa chị và anh T có 01 người con chung tên Lưu Phạm Minh Th, sinh ngày 30/12/2014 thì chị yêu cầu được quyền nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung và nợ chung thì không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa nguyên đơn chị Phạm Thị P có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt; bị đơn anh Lưu Phương T đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do.

- Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên:

+ Việc tuân theo pháp pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án thấy rằng Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng theo trình tự, thủ tục tố tụng của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Riêng bị đơn anh Lưu PT vắng mặt không có lý do chính đáng là chưa tuân thủ theo quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

+ Về quan điểm giải quyết nội dung vụ án nhận thấy: Chị P và anh T đã tự nguyện tiến tới hôn nhân và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Ngãi Xuyên, huyện Trà Cú vào ngày 08/9/2014, quá trình chung sống do bất đồng quan điểm, vợ chồng thường xuyên cự cãi và đã sống ly thân với nhau. Xét thấy tình trạng hôn nhân giữa chị P và anh T đã mâu thuẫn trầm trọng, mặc dù đã được Tòa án thụ lý và thông báo triệu tập dự phiên hợp công khai chứng cứ, hoà giải để động viên hàn gắn nhưng anh T không chấp hành. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận.

Từ những căn cứ trên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51, 53, 56, 57 và 58 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Phạm Thị P.

- Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Phạm Thị P được ly hôn với anh Lưu Phương T.

- Về con chung: Giao cháu Lưu Phạm Minh Th, sinh ngày 30/12/2014 cho chị Phạm Thị P được tiếp nuôi dưỡng. Anh Lưu Phương T không phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về Tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu nên đề nghị không đặt ra xem xét.

Về án phí phí hôn nhân và gia đình đề nghị buộc nguyên đơn chị Phạm Thị P phải chịu theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét, thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Theo đơn khởi kiện thì chị Phạm Thị P yêu cầu được ly hôn với anh Lưu Phương T và yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung nên đây là vụ kiện "*Tranh chấp ly hôn và nuôi con*" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự; căn cứ vào khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh; tại phiên tòa nguyên đơn chị Phạm Thị P có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn anh Lưu Phương T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do căn cứ khoản 1, 2 Điều 227, Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự thì Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn chị P và bị đơn anh T.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị P và anh Lưu Phương T tự nguyện xác lập quan hệ hôn nhân với nhau vào năm 2014, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Ngãi Xuyên, huyện Trà Cú vào ngày 08/9/2014 đúng quy định của luật hôn nhân và gia đình nên quan hệ hôn nhân giữa chị P và anh T là hợp pháp. Sau khi kết hôn chị P và anh T cùng chung sống với gia đình của anh T, quá trình chung sống do chị P là người trực tiếp đi làm công nhân, còn anh T không có nghề nghiệp ổn định do có tật bẩm sinh nên từ đó vợ chồng thường xuyên cải vả, bất đồng quan điểm với nhau đến khoảng đầu năm 2019 trong một lần cải vả thì chị P dẫn con quay về nhà cha mẹ ruột sống và ly thân với anh T đến nay, thời gian ly thân không bên nào tạo điều kiện hàn gắn. Nay chị P cho rằng tình trạng hôn nhân giữa chị và anh T đã mâu thuẫn trầm trọng, hạnh phúc không còn, mục đích hôn nhân không đạt nên chị yêu cầu được ly hôn với anh T; phía anh T, mặc dù đã được Tòa án Thông báo về việc thụ lý vụ án, đã được thông báo về phiên hợp công khai chứng cứ và hoà giải nhằm hòa giải động viên để vợ chồng anh chị hàn gắn nhưng anh T đều vắng mặt không có lý điều này chứng tỏ anh T không muốn hàn gắn với chị Phương; căn cứ vào kết quả xác minh tình trạng hôn nhân giữa anh T và chị Phương. Hội đồng xét xử nhận thấy, tình trạng hôn nhân giữa chị P và anh T đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể tiếp tục, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, việc chị P yêu cầu ly hôn với anh T là có căn cứ chấp nhận.

[3] Về con chung: Theo chị Phạm Thị P cho rằng giữa chị và anh Lưu Phương T có 01 người con chung tên Lưu Phạm Minh Th, sinh ngày 30/12/2014 lời trình bày của chị Phương là phù với giấy khai sinh số 01/2015, Quyển 01/2015 đăng ký ngày 06/01/2015 tại Ủy ban nhân dân xã Ngãi Xuyên. Hiện nay cháu Minh Th đang sống trực tiếp với chị P; phía chị P có yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng

cháu Minh Th. Nhận thấy, việc chị P có yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Minh Thơ là đảm bảo quyền lợi mọi mặt cho cháu Minh Th. Hơn nữa, phía anh Lưu Phương T không có ý kiến phản đối việc này. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị P và giao cháu Lưu Phạm Minh Th, sinh ngày 30/12/2014 cho chị P được trực tiếp nuôi dưỡng.

[4] Về phần cấp dưỡng nuôi con, phía chị Phạm Thị P không yêu cầu anh Lưu Phương T cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về tài sản chung: Chị Phạm Thị P xác định không có không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Về nợ chung (nghĩa vụ chung): Chị Phạm Thị P xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình: Trong vụ án hôn nhân và gia đình thì nguyên đơn phải chịu theo quy định khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[8] Quan điểm của Kiểm sát viên phù hợp với quy định của pháp luật và nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1, 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51, 53, 56, 57 và Điều 58, khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Phạm Thị P.

+ Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Phạm Thị P được ly hôn với anh Lưu Phương T.

+ Về con chung: Giao cháu Lưu Phạm Minh Th, sinh ngày 30/12/2014 cho chị Phạm Thị P được tiếp nuôi dưỡng. Anh Lưu Phương T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Bên không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được quyền ngăn cản, đồng thời có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được chung sống với bên trực tiếp nuôi. Vì lợi ích của con, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn.

+ Về tài sản chung: Chị Phạm Thị P cho rằng không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

+ Về nợ chung: Chị Phạm Thị P xác định không có, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

- Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Buộc chị Phạm Thị P phải nộp 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Nhưng được cấn trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị P đã nộp trước bằng 300.000 đồng theo bien lai thu số 0003382 ngày 28/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh.

3. Án xử sơ thẩm công khai, vắng mặt nguyên đơn và bị đơn, báo cho các đương sự biết được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh xét xử lại vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b, và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TA tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện Trà Cú;
- Chi cục THADS huyện Trà Cú;
- UBND xã Ngãi Xuyên;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Thạch Thuône